

Bản án số: 71 /2023/HS-ST
Ngày: 16-11-2023

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Triệu Quốc Hiếu**.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Cơ Ba

Bà Nguyễn Thị Hồng Diễm

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phan Thị Trúc** – Thư ký TAND huyện Vũng Liêm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm tham gia phiên tòa:
Bà Võ Thị Mỹ Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 44/2023/TLST-HS, ngày 26 tháng 6 năm 2023; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2023/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 10 năm 2023, đối với các bị cáo:

1. **M Văn Đ**, sinh năm 1961; giới tính: Nam; nơi cư trú: ấp L1, xã P, huyện V, tỉnh Đồng Nai; chỗ ở hiện nay: ấp P, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long; trình độ học vấn: 2/12; nghề nghiệp: làm rẫy; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông M Văn B (chết) và bà Huỳnh Thị L (chết); vợ là Lê Thị Mỹ L, sinh năm 1960; con có 03 người, lớn nhất sinh năm 1982, nhỏ nhất sinh năm 1992; tiền án: không; tiền sự: 01 tiền sự. Ngày 02/02/2023, bị Công an huyện Vũng Liêm ra quyết định xử phạt hành chính với số tiền 1.500.000đ, về hành vi đánh bạc trái phép, đã nộp phạt xong; nhân thân: Ngày 26/8/2014, bị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xử phạt số tiền 10.000.000đ, về tội “Đánh bạc”. Đã chấp hành xong. Ngày 21/7/2017, bị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xử phạt 04 tháng tù, về tội “Đánh bạc”. Đã chấp hành xong; Bị cáo được cho tại ngoại và hiện có mặt tại phiên tòa.

2. **Nguyễn Văn Thanh H**, sinh năm 1982; giới tính: Nam; nơi cư trú: ấp P, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long; trình độ học vấn: 6/12; nghề nghiệp: Bán vé số; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1960 và bà Lê Ngọc V, sinh năm 1964; vợ là Võ Thị T, sinh năm 1980; con có 01

người sinh năm 1998; em ruột có 07 người, lớn nhất sinh năm 1988, nhỏ nhất sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo được cho tại ngoại và hiện có mặt tại phiên tòa.

3. **Nguyễn Thị Thúy A**, sinh năm 1991; giới tính: Nữ; nơi cư trú: ấp N, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long; trình độ học vấn: 11/12; nghề nghiệp: nội trợ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Nguyễn H, sinh năm 1964 và bà Huỳnh Thị T (chết); chồng là Trần H, sinh năm 1989; con có 02 người, lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo được cho tại ngoại và hiện có mặt tại phiên tòa.

4. **Nguyễn Thị P**, sinh năm 1951; giới tính: Nữ; nơi cư trú: ấp P, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long; trình độ học vấn: 2/12; nghề nghiệp: không; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Văn T (chết) và bà Trần Thị B (chết); chồng là Ngô Văn Mười H, sinh năm 1946; con có 04 người, lớn nhất sinh năm 1970, nhỏ nhất sinh năm 1976; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo được cho tại ngoại và hiện có mặt tại phiên tòa.

5. **Huỳnh Thị Phụng M**, sinh năm 1975; tại xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long; giới tính: Nữ; nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Vĩnh Long; chỗ ở hiện nay: ấp G, xã T, huyện M, tỉnh Vĩnh Long; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: buôn bán; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Huỳnh Văn M (chết) và bà Lê Thị G (chết); chồng là Lê Ngọc S, sinh năm 1982; con có 01 người sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo được cho tại ngoại và hiện có mặt tại phiên tòa.

6. **Nguyễn Thị S**, sinh năm 1962; giới tính: Nữ; nơi cư trú: ấp T, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long; trình độ học vấn: 5/12; nghề nghiệp: nội trợ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Văn T (chết) và bà Nguyễn Thị G (chết); chồng là Nguyễn Văn Út E, sinh năm 1960; con có 03 người lớn nhất sinh năm 1979, nhỏ nhất sinh năm 1983; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo được cho tại ngoại và hiện có mặt tại phiên tòa.

7. **Nguyễn Thị Xinh C**, sinh năm 1974; giới tính: Nữ; nơi cư trú: ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang; chỗ ở hiện nay: ấp P, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long; trình độ học vấn: 6/12; nghề nghiệp: Buôn bán; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1950 và bà Trương Thị O, sinh năm 1950; chồng là Nguyễn Văn G, sinh năm 1969 (đã ly hôn); chồng là Phạm Tấn P (chết); con có 02 người, lớn sinh năm 1995, nhỏ sinh năm 2004; em ruột có 05 người, lớn nhất sinh năm 1977, nhỏ nhất sinh năm 1989; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo được cho tại ngoại và hiện có mặt tại phiên tòa.

8. **Lê Thị Thùy D**, sinh năm 1991; giới tính: Nữ; nơi cư trú: ấp H, xã X, huyện T, tỉnh Vĩnh Long; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Buôn bán; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Lê Văn P, sinh năm 1965 và bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1965; chồng là Phạm Minh T, sinh năm 1984; con có 02 người, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo được cho tại ngoại và hiện có mặt tại phiên tòa.

9. **Trần Quốc D**, sinh năm 1978; giới tính: Nam; nơi cư trú: ấp N, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long; trình độ học vấn: 5/12; nghề nghiệp: làm ruộng; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Trần Văn P, sinh năm 1959 và bà Huỳnh Thị B (chết); em ruột có 05 người, lớn nhất sinh năm 1980, nhỏ nhất sinh năm 1988; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo được cho tại ngoại và hiện có mặt tại phiên tòa.

10. **Ngô Thị Phương T**, sinh năm 1967; giới tính: Nữ; nơi cư trú: khu phố 1, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương; trình độ học vấn: 4/12; nghề nghiệp: làm thuê; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Ngô Chí H (chết) và bà Nguyễn Thị L (chết); chồng là Lê Văn S, sinh năm 1955; con có 01 người sinh năm 1991; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo được cho tại ngoại và hiện có mặt tại phiên tòa.

- *Người làm chứng:*

1. Nguyễn Văn M, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp H B, xã H, huyện V, Vĩnh Long.

2. Lâm Minh Mỹ P, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp N, xã H, huyện V, Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 31/01/2023, M Văn Đ đến quán cà P dưới dốc cầu Bưng Trường 2 thuộc ấp N, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long, Đ tìm người chơi lắc tài xỉu thắng thua bằng tiền. Tại đây, M Văn Đ gặp Nguyễn Thị Thúy A và nhiều người khác đang có mặt tại quán. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, Nguyễn Thị Thúy A rủ M Văn Đ và những người có mặt tại quán đến bờ đê sông Nhà Đài cách quán cà P khoảng 70m chơi lắc tài xỉu thắng thua bằng tiền. Nguyễn Thị Thúy A lấy một tấm cao su trải ra trên bờ đê Đ M Văn Đ và những người đi chung ngồi vào chơi tài xỉu. M Văn Đ lấy bộ dụng cụ lắc tài xỉu mang theo sẵn gồm ba hột xí ngầu bằng nhựa, một cái đĩa sành, một nắp đậy bằng nhựa quán bằng keo màu đen, và lấy số tiền 10.000.000đ Đ làm cái lắc tài xỉu cho Nguyễn Thị P, Huỳnh Thị Phương M, Nguyễn Thị S, Nguyễn Thị Xinh C, Trần Quốc D, Lê Thị Thùy D và Ngô Thị Phương T tham gia đặt cược. Khi M Văn Đ làm cái thì Nguyễn Thị Thúy A đứng ở bên ngoài quan sát Đ lấy tiền “bảo” và chia đôi số tiền “bảo” với Đ. Trong thời gian M Văn Đ làm cái có “bảo” hai lần, lần thứ nhất “bảo” được 200.000 đồng, Đ chia cho An mỗi người được 100.000 đồng, lần thứ hai “bảo” được 600.000 đồng, Đ lấy 300.000 đồng còn lại 300.000 đồng đưa cho An nhưng An không có mặt tại sòng bạc, nên không xác định được ai đã lấy số tiền trên. M Văn Đ làm cái được khoảng 30 – 40 phút thì thua hết số tiền khoảng 7.000.000 đến 8.000.000 đồng, nên Đ kêu Nguyễn Văn Thanh H ngồi vào lắc các hột xí ngầu dùm, H đồng ý ngồi vào làm cái lắc, còn Đ cầm tiền chung chi với người chơi. H

làm cái lắc được khoảng 04 – 05 bản thì bị Công an kiểm tra phát hiện, lập biên bản sự việc.

Kết quả điều tra xác định: M Văn Đ sử dụng số tiền 10.000.000 đồng, Nguyễn Thị P sử dụng số tiền 150.000 đồng, Huỳnh Thị Phụng M sử dụng số tiền 250.000 đồng, Nguyễn Thị S sử dụng số tiền 100.000 đồng, Nguyễn Thị Xinh C sử dụng số tiền 300.000 đồng, Trần Quốc D sử dụng số tiền 350.000 đồng, Lê Thị Thùy D sử dụng số tiền 100.000 đồng và Ngô Thị Phương T sử dụng số tiền 200.000 đồng Đ đánh bạc.

Trong quá trình điều tra, M Văn Đ, Nguyễn Văn Thanh H, Nguyễn Thị Thúy A, Nguyễn Thị P, Huỳnh Thị Phụng M, Nguyễn Thị S, Nguyễn Thị Xinh C, Trần Quốc D, Lê Thị Thùy D và Ngô Thị Phương T đã thừa nhận hành vi phạm tội.

Vật chứng đang tạm giữ gồm:

+ Một bộ dụng cụ lắc tài xỉu gồm: ba hột xí ngẫu bằng nhựa, một cái đĩa sành và một nắp đậy bằng nhựa quán bằng keo màu đen.

+ Số tiền: 34.800.000 đồng (trong đó: 350.000 đồng tiền thu giữ tại chiếu bạc; 32.650.000 đồng là tiền tạm giữ của các bị cáo và 1.800.000 đồng thu giữ xung quanh hiện trường).

Cáo trạng số: 45/CT-VKSHVL ngày 24/6/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm đã truy tố M Văn Đ, Nguyễn Văn Thanh H, Nguyễn Thị Thúy A, Nguyễn Thị P, Huỳnh Thị Phụng M, Nguyễn Thị S, Nguyễn Thị Xinh C, Trần Quốc D, Lê Thị Thùy D và Ngô Thị Phương T về tội: Đánh bạc; theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố đối với M Văn Đ, Nguyễn Văn Thanh H, Nguyễn Thị Thúy A, Nguyễn Thị P, Huỳnh Thị Phụng M, Nguyễn Thị S, Nguyễn Thị Xinh C, Trần Quốc D, Lê Thị Thùy D và Ngô Thị Phương T; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

Khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, Đ tuyên phạt M Văn Đ mức án tù từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù.

Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, Đ tuyên phạt Nguyễn Văn Thanh H mức án tù từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng.

Khoản 1 Điều 321; điểm i, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, Đ tuyên phạt Nguyễn Thị Thúy A mức án tù từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng.

Khoản 1 Điều 321; điểm i, o, s khoản 1 Điều 51; Điều 36; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, Đ tuyên phạt Nguyễn Thị P mức án tù từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ.

Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, Đ tuyên phạt Huỳnh Thị Phụng M mức án tù 06 tháng tù đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng.

Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, Đ tuyên phạt Nguyễn Thị S mức án tù 01 năm đến đến 01 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ.

Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, Đ tuyên phạt Nguyễn Thị Xinh C mức án tù 06 tháng tù đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng.

Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, Đ tuyên phạt Trần Quốc D mức án tù 06 tháng tù đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng.

Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, Đ tuyên phạt Lê Thị Thùy D mức án tù 06 tháng tù đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng.

Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, Đ tuyên phạt Ngô Thị Phương T mức án tù 06 tháng tù đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng.

Đề nghị miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

Về vật chứng: Đề nghị tịch thu tiêu hủy: Một bộ dụng cụ lắc tài xỉu gồm: ba hột xí ngẫu bằng nhựa, một cái đĩa sành và một nắp đậy bằng nhựa quán bằng keo màu đen.

Đề nghị tịch thu sung vào công quỹ Nhà nước số tiền 2.150.000 đồng.

Đề nghị buộc các bị cáo nộp số tiền: Nguyễn Thị S phải nộp số tiền 100.000 đồng, Nguyễn Thị Xinh C nộp số tiền 300.000 đồng, Ngô Thị Phương T nộp số tiền 200.000 đồng, và Nguyễn Thị Thúy A nộp số tiền 100.000 đồng Đ sung vào công quỹ Nhà nước.

Đề nghị trả lại cho các bị cáo: Nguyễn Thị P số tiền 2.350.000 đồng, Huỳnh Thị Phụng M số tiền 5.500.000 đồng, Nguyễn Thị S 3.000.000 đồng, Nguyễn Thị Xinh C số tiền 1.600.000 đồng, Trần Quốc D số tiền 19.000.000 đồng và Ngô Thị Phương T số tiền 600.000 đồng.

Lời nói sau cùng của bị cáo M Văn Đ: Xin được giảm nhẹ hình phạt tù.

Lời nói sau cùng của các bị cáo Nguyễn Văn Thanh H, Nguyễn Thị Thúy A, Nguyễn Thị P, Huỳnh Thị Phụng M, Nguyễn Thị S, Nguyễn Thị Xinh C, Trần Quốc D, Lê Thị Thùy D và Ngô Thị Phương T: không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo M Văn Đ, Nguyễn Văn Thanh H, Nguyễn Thị Thúy A, Nguyễn Thị P, Huỳnh Thị Phượng M, Nguyễn Thị S, Nguyễn Thị Xinh C, Trần Quốc D, Lê Thị Thùy D và Ngô Thị Phương T đã thừa nhận hành vi phạm tội của các bị cáo đúng như Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án; các bị cáo xác định không khiếu nại đối với quá trình tiến hành tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, của điều tra viên, kiểm sát viên và lời khai của các bị cáo là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép cung hay dùng nhục hình. Do đó, hành vi và các chứng cứ, tài liệu của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, qua lời khai của các bị cáo đã thể hiện: Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 31/01/2023 tại bãi đất trống ở bờ đê sông Nhà Đài thuộc ấp Ngãi Thạnh, xã Hiếu Thuận, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long, M Văn Đ, Nguyễn Văn Thanh H, Nguyễn Thị Thúy A, Nguyễn Thị P, Huỳnh Thị Phượng M, Nguyễn Thị S, Nguyễn Thị Xinh C, Trần Quốc D, Lê Thị Thùy D và Ngô Thị Phương T đã tiến hành chơi đánh bạc bằng hình thức lắc tài xỉu thắng thua bằng tiền, với số tiền thắng thua là 11.450.000 đồng. Do đó, đã đủ cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo M Văn Đ, Nguyễn Văn Thanh H, Nguyễn Thị Thúy A, Nguyễn Thị P, Huỳnh Thị Phượng M, Nguyễn Thị S, Nguyễn Thị Xinh C, Trần Quốc D, Lê Thị Thùy D và Ngô Thị Phương T đã phạm vào tội: Đánh bạc; theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

[2] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo thừa nhận hành vi đánh bạc ăn thua bằng tiền bị Nhà nước nghiêm cấm, nhưng các bị cáo vẫn bất chấp pháp luật tham gia sát phạt nhau chỉ vì lợi ích cá nhân. Hành vi của các bị cáo gây mất an ninh, trật tự tại địa phương.

Đối với bị cáo Nguyễn Thị Thúy A, bị cáo giữ vai trò rủ rê, lôi kéo các bị cáo tham gia đánh bạc thắng thua bằng tiền tại nơi bị cáo chọn Đ lấy tiền xâu, nên đối với bị cáo cần có hình phạt nghiêm khắc Đ giáo dục bị cáo và ngăn đe phòng ngừa chung.

Đối với bị cáo M Văn Đ sau khi được bị cáo Nguyễn Thị Thúy A điện thoại rủ tham gia đánh bạc thắng thua bằng tiền đã tích cực tham gia, trực tiếp đứng ra làm cái, chung chi tiền cho những người chơi. Bị cáo có nhân thân xấu, nên đối với bị cáo cần có hình phạt nghiêm.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn Thanh H sau khi được rủ làm cái, đã tích cực tham gia cùng các bị cáo khác sát phạt nhau, nên cần có hình phạt tương xứng đối với hành vi của bị cáo.

Đối với các bị cáo Nguyễn Thị P, Huỳnh Thị Phượng M, Nguyễn Thị S, Nguyễn Thị Xinh C, Trần Quốc D, Lê Thị Thùy D và Ngô Thị Phương T tích cực tham gia đánh bạc thắng thua bằng tiền, nên cần có hình phạt tương xứng đối với hành vi của các bị cáo.

[3] Tuy nhiên, sau khi phạm tội các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo Nguyễn Văn Thanh H, Nguyễn Thị Thúy A, Nguyễn Thị P, Huỳnh Thị Phụng M, Nguyễn Thị S, Nguyễn Thị Xinh C, Trần Quốc D, Lê Thị Thùy D và Ngô Thị Phương T đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; các bị cáo Nguyễn Văn Thanh H, Nguyễn Thị Thúy A, Nguyễn Thị P, Huỳnh Thị Phụng M, Nguyễn Thị S, Nguyễn Thị Xinh C, Trần Quốc D, Lê Thị Thùy D và Ngô Thị Phương T có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo M Văn Đ gia đình có công với cách mạng, bị cáo Nguyễn Văn Thanh H có cha ruột có công với cách mạng, bị cáo Nguyễn Thị Thúy A khi phạm tội đang mang thai và có ông nội là liệt sĩ, bị cáo Trần Quốc D có gia đình có công với cách mạng, bị cáo Nguyễn Thị P khi phạm tội đã trên 70 tuổi nên xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

[4] Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, thu nhập không ổn định, nên miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

[5] Về vật chứng:

Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 27/6/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm, vật chứng gồm: 01 bộ dụng cụ Đ lắc tài xỉu gồm: 03 (ba) hột xí ngầu bằng nhựa; 01 (một) cái đĩa sành; 01 nắp đậy bằng nhựa quán bằng keo màu đen. Đây là dụng cụ các bị cáo thực hiện tội phạm, nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với số tiền 34.800.000 đồng (trong đó: 350.000 đồng tiền thu trên chiếu bạc; 1.800.000 đồng thu giữ xung quanh hiện trường và 32.650.000 đồng là tiền tạm giữ của các bị cáo gồm: Nguyễn Thị P số tiền 2.350.000 đồng, Huỳnh Thị Phụng M số tiền 5.500.000 đồng, Nguyễn Thị S 3.100.000 đồng, Nguyễn Thị Xinh C số tiền 1.900.000 đồng, Trần Quốc D số tiền 19.000.000 đồng và Ngô Thị Phương T số tiền 800.000 đồng).

Đối với số tiền 2.150.000 đồng (Hai triệu một trăm năm mươi ngàn đồng) là tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc, nên cần tịch thu sung vào công quỹ Nhà nước.

Buộc Nguyễn Thị S phải nộp số tiền 100.000 đồng, Nguyễn Thị Xinh C nộp số tiền 300.000 đồng, Ngô Thị Phương T nộp số tiền 200.000 đồng và Nguyễn Thị Thúy A nộp số tiền 100.000 đồng Đ sung vào công quỹ Nhà nước.

Đối với số tiền riêng của các bị cáo không có liên quan đến vụ án nên cần trả lại, cụ thể: Nguyễn Thị P số tiền 2.350.000 đồng, Huỳnh Thị Phụng M số tiền 5.500.000 đồng, Nguyễn Thị S 3.000.000 đồng, Nguyễn Thị Xinh C số tiền 1.600.000 đồng, Trần Quốc D số tiền 19.000.000 đồng và Ngô Thị Phương T số tiền 600.000 đồng.

(Theo giấy nộp tiền ngày 27/6/2023 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam tỉnh Vĩnh Long chi nhánh huyện Vũng Liêm do Công an huyện Vũng Liêm nộp)

[6] Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đã xem xét đến các chứng cứ được đưa ra thẩm tra tại phiên tòa, đã đánh giá đúng hành vi, tính chất và mức độ phạm tội của các bị cáo. Về đề nghị mức hình phạt, đại diện Viện kiểm sát đã xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ của các bị cáo. Do đó, chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải nộp tiền án phí theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Đối với bị cáo M Văn Đ, Nguyễn Thị P, Nguyễn Thị S là người cao tuổi, nên miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo M Văn Đ, Nguyễn Văn Thanh H, Nguyễn Thị Thúy A, Nguyễn Thị P, Huỳnh Thị Phượng M, Nguyễn Thị S, Nguyễn Thị Xinh C, Trần Quốc D, Lê Thị Thùy D và Ngô Thị Phương T phạm tội “Đánh bạc”;

1.1 Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo M Văn Đ: 09 (chín) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn Thanh H: 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách là 02 (hai) năm được tính từ ngày tuyên án 16/11/2023.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long, cùng gia đình bị cáo giám sát, giáo dục trong thời gian chịu thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã được hưởng án treo.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Thúy A: 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách là 02 (hai) năm được tính từ ngày tuyên án 16/11/2023.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long, cùng gia đình bị cáo giám sát, giáo dục trong thời gian chịu thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã được hưởng án treo.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, o, s khoản 1 Điều 51; Điều 36; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị P: 01 (một) năm 06 (S) tháng cải tạo không giam giữ.

Thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ của bị cáo được tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện Vũng Liêm nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long Đ giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã H trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Huỳnh Thị Phụng M: 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách là 01 (một) năm 06 (S) tháng được tính từ ngày tuyên án 16/11/2023.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Vĩnh Long, cùng gia đình bị cáo giám sát, giáo dục trong thời gian chịu thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã được hưởng án treo.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị S: 01 (một) năm 06 (S) tháng cải tạo không giam giữ.

Thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ của bị cáo được tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện Vũng Liêm nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long Đ giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã H trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Xinh C: 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách là 01 (một) năm 06 (S) tháng được tính từ ngày tuyên án 16/11/2023.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang, cùng gia đình bị cáo giám sát, giáo dục trong thời gian chịu thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã được hưởng án treo.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Trần Quốc D: 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách là 01 (một) năm 06 (S) tháng được tính từ ngày tuyên án 16/11/2023.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long, cùng gia đình bị cáo giám sát, giáo dục trong thời gian chịu thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã được hưởng án treo.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Lê Thị Thùy D: 06 (S) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách là 01 (một) năm được tính từ ngày tuyên án 16/11/2023.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã X, huyện T, tỉnh Vĩnh Long, cùng gia đình bị cáo giám sát, giáo dục trong thời gian chịu thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã được hưởng án treo.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Ngô Thị Phương T: 06 (S) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách là 01 (một) năm được tính từ ngày tuyên án 16/11/2023.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương, cùng gia đình bị cáo giám sát, giáo dục trong thời gian chịu thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã được hưởng án treo.

2. Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu tiêu hủy: 01 bộ dụng cụ Đ lắc tài xỉu gồm: 03 (ba) hột xí ngầu bằng nhựa; 01 (một) cái đĩa sành; 01 nắp đậy bằng nhựa quán băng keo màu đen.

Tịch thu sung vào công quỹ Nhà nước số tiền 2.150.000 đồng (Hai triệu một trăm năm mươi ngàn đồng).

Buộc bị cáo Nguyễn Thị S phải nộp số tiền 100.000 đồng, bị cáo Nguyễn Thị Xinh C nộp số tiền 300.000 đồng, bị cáo Ngô Thị Phương T nộp số tiền 200.000 đồng và Nguyễn Thị Thúy A nộp số tiền 100.000 đồng Đ sung vào công quỹ Nhà nước.

Trả lại cho các bị cáo: Nguyễn Thị P số tiền 2.350.000 đồng (Hai triệu ba trăm năm mươi triệu đồng), Huỳnh Thị Phụng M số tiền 5.500.000 đồng (Năm triệu năm trăm ngàn đồng), Nguyễn Thị S 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng), Nguyễn Thị Xinh C số tiền 1.600.000 đồng (Một triệu S trăm ngàn đồng), Trần Quốc D số tiền 19.000.000 đồng (Mười chín triệu đồng) và Ngô Thị Phương T số tiền 600.000 đồng (S trăm ngàn đồng).

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc các bị cáo Nguyễn Văn Thanh H, Nguyễn Thị Thúy A, Huỳnh Thị Phụng M, Nguyễn Thị Xinh C, Trần Quốc D, Lê Thị Thùy D và Ngô Thị Phương T mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo M Văn Đ, Nguyễn Thị P, Nguyễn Thị S.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo được quyền kháng cáo Đ yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long;
- Viện kiểm sát tỉnh Vĩnh Long;
- Viện kiểm sát huyện Vũng Liêm;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Long;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Vĩnh Long;
- Công an huyện Vũng Liêm;

- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm;
- Bị cáo;
- UBND xã H; UBND xã T;
UBND xã H1; UBND xã X;
UBND xã N; UBND thị trấn P;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Triệu Quốc Hiếu